

Bản án số 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/07/2021

V/v: *Ly hôn giữa bà B với ông K.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc: “*Ly hôn giữa bà B với ông K*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Giáp Thị T-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn K kết hôn năm 1971. Trước khi kết hôn ông bà có được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cưới xong bà và ông K về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần ông K còn đánh chửi bà thậm tệ. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng bà đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng bà vẫn không cải thiện. Đầu năm 2020, bà phải bỏ nhà sang ở nhờ nhà em trai bà ở xã Nghĩa Phương. Từ đó bà và ông K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà

xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K sinh được 07 người con. Các con bà đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Về quá trình kết hôn như bà Nguyễn Thị B trình bày là đúng. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn ông không đồng ý với ý kiến của bà B. Cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, qua loa, không đáng kể. Ông khẳng định ông chưa đánh bà B lần nào. Bà B đã bỏ về quê bà ở xã Nghĩa Phương chung sống cùng em trai bà từ tháng 02/2021. Trong thời gian này nhiều lần ông đi đón bà B về đoàn tụ gia đình, nhưng bà B tránh mặt không gặp. Nay bà B xin ly hôn, ông không nhất trí.

Về con chung: Ông và bà B sinh được 07 người con. Các con bà đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị B ly hôn với ông Nguyễn Văn K; miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Năm 1971, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn K có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau đũa cưới bà B, ông K về chung sống cùng nhau ngay. Trước khi tổ chức đám cưới, bà B, ông K có được tự nguyện tìm hiểu, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội; khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, thì quan hệ vợ chồng xác lập hoặc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước 03/01/1987 thì quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên chung sống với nhau như vợ chồng; một trong các bên yêu cầu ly hôn thì giải quyết theo thủ tục chung. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông K là hợp pháp.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng về quan điểm sống, bà B, ông K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông K

đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà B ly hôn với ông K.

[1.3]. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà B, ông K chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của bà B để vợ chồng ông K, bà B về đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của bị đơn; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không đủ cơ sở nên không chấp nhận.

[2]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Sau khi Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, ngày 30/06/2021, Tòa án nhận được “Đơn đề nghị” đánh máy đề tên Nguyễn Văn K ghi ngày 18/06/2021, không có chữ ký, với nội dung đề nghị Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xem xét giải quyết giúp ông về việc bà Nguyễn Thị B lấy của ông 30.000.000đ. Đơn đề nghị của ông K không rõ ràng, tại phiên tòa ông K không đề nghị Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã S;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân